

Số: 101/2018/QĐST-HNGĐ

Hàm Thuận Bắc, ngày 06 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018, giữa :

Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc Đ – Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Hải Đội 418, Lữ Đoàn 189 HQ, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Bà Mai Thị X – Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mai Thị X:

1/ Luật sư Vũ Quang B - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn K - Đoàn Luật sư thành phố H;

2/ Luật sư Nguyễn Thị T - Giám đốc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn K - Đoàn Luật sư thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Ngọc Đ và bà Mai Thị X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung:

Bà Mai Thị X được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Lê Mai Hiếu N – sinh ngày 26/8/2012.

Ông Lê Ngọc Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về mức cấp dưỡng và phương thức nuôi con: Ông Lê Ngọc Đ tự nguyện, đồng ý, thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con tên Lê Mai Hiếu N – sinh ngày 26/8/2012 mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Ông Lê Ngọc Đ tự nguyện thỏa thuận chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Ngọc Đ đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014893 ngày 03/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc nên không phải nộp nữa.

Bà Mai Thị X không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện HTB;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mi Mi